

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST.

Ngày: 30-7-2025.

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Ngọc Hữu và ông Lê Quang Thanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Bá Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Xóm B, Thôn D, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn F, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Xóm B, Thôn D, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày yêu cầu và căn cứ khởi kiện như sau:

Ngày 25/12/2023 bà Phạm Thị Kim L có vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 190.000.000 đồng, bà L có lập giấy vay tiền và ký tên. Thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc là 1 năm tính từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 1,6%/tháng. Để

đảm bảo việc trả nợ, bà L giao cho bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 420349 cấp ngày 23/8/2017. Sau khi vay, bà L không trả lãi theo thỏa thuận, khi đến hạn trả nợ gốc, bà L cũng không trả. Nhiều lần bà H yêu cầu nhưng bà L không trả nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho vợ chồng bà H và ông Lê Văn C số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi.

[2]. *Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, cấp, tổng đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn bà Phạm Thị Kim L không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bà L và cũng không tiến hành hòa giải được.*

[3]. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày: ông C và bà Huỳnh Thị H là vợ chồng. Ông C thống nhất như yêu cầu khởi kiện của bà H.*

[4]. *Những chứng cứ đã được thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

- *Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: 01 tờ giấy mượn tiền viết tay ghi ngày 25/12/2023; Căn cước công dân bà Huỳnh Thị H (phô tô chứng thực). Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 420349 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 23/8/2017 mang tên bà Phạm Thị Kim L; 01 giấy ủy quyền*

- *Bị đơn cung cấp: không.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cung cấp: đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: biên bản lấy lời khai của bà Huỳnh Thị H ngày 20/3/2025 (bút lục số 21), ông Lê Văn C ngày 20/3/2025 (bút lục số 20); biên bản xác minh nơi cư trú của bà Phạm Thị Kim L ngày 12/3/2025 + xác nhận thông tin cư trú (bút lục số 16, 17); thủ tục niêm yết; Thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (gồm B và Đ cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh); Kết luận giám định số 496/KL-KTHS ngày 16/5/2025 (bút lục 58).*

[5]. *Những vấn đề các đương sự thống nhất, không thống nhất:*

Bị đơn bà Phạm Thị Kim L đã được tổng đạt và thông báo hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành, không trình bày ý kiến, yêu cầu, cung cấp tài liệu chứng cứ trong vụ án; đồng thời không cung cấp lời khai, bản khai cho Tòa án về ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

[6]. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H; buộc bà Phạm Thị Kim L phải trả cho bà Huỳnh Thị H, ông Lê Văn C số tiền 190.000.000 đồng. Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Lê Văn C phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 420349 cấp ngày 23/8/2017 cho bà Phạm Thị Kim L. Buộc bà Phạm Thị Kim L phải trả lại cho bà H chi phí giám định. Về án phí: bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và trả lại tạm ứng án phí cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C (đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà H) đều vắng mặt nhưng đã có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp:

- Bà Huỳnh Thị H căn cứ giấy mượn tiền viết tay ghi ngày 25/12/2023 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Kim L phải trả số tiền vay 190.000.000 đồng. Nên đây là vụ án “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025 theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội).

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đánh giá tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy mượn tiền viết tay ghi ngày 25/12/2023 bà H yêu cầu bà Phạm Thị Kim L phải trả số tiền vay 190.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Kim L không đến Tòa án để trình bày ý kiến chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đồng thời không phản đối về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy: bà L không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ mà bà H đưa ra, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, để xem xét, đánh giá toàn diện khách quan về nội dung vụ án, chứng cứ và chứng minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại kết luận giám định số 496/KL-KTHS ngày 16/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: “*chữ viết có nội dung “người mượn tiền Phạm thị Kim Liên” trên tài liệu ký hiệu A2 so với các chữ viết có cùng nội dung trên tài liệu ký hiệu A1 là do cùng một người viết ra. Chữ “Phạm thị Kim Liên” tại dòng thứ 4, tính từ trên xuống trên tài liệu ký hiệu A1 và chữ “Phạm Thị Kim L” tại các mục: “Người viết đơn” trên tài liệu ký hiệu M1, “chủ hộ sử dụng đất” trên các tài liệu ký hiệu M2 và M3, “Những người thừa kế” trên tài liệu M4, “Người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế” trên tài liệu ký hiệu M5, “Người nộp thuế...” hoặc Đại diện hợp pháp của người nộp thuế” trên tài liệu ký hiệu M6 là do cùng một người viết ra. Do đó, có căn cứ khẳng định giấy mượn tiền viết tay ghi ngày 25/12/2023 mà bà H cung cấp do bà Phạm Thị Kim L viết - ký tên xác nhận.*

- Bà Phạm Thị Kim L có đăng ký thông tin cư trú tại Thôn F, xã N, huyện T nhưng không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi và không biết cụ thể đang ở đâu, làm gì và thời gian qua cũng không về địa phương. Theo yêu cầu của bà H, Tòa án đã đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: nhắn tin trên ba số Báo Công lý liên tiếp B, 37 và 38 ra các ngày 2/5, 7/5 và ngày 9/5/2025; phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam trong ba ngày 05, 06 và 07/5/2025 nhưng bà L vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến, yêu cầu.

- Qua xem xét nội dung giấy mượn tiền viết tay ghi ngày 25/12/2023 thể hiện “*bà Phạm Thị Kim L thế chấp cho ông Lê Văn C, bà Huỳnh Thị H có 1 quyền sở ruộng 1700m² với số tiền 190.000.000 đồng, một năm tôi trả đủ tiền số tiền lại cho Hữu C1*”.

[2.2]. Như vậy, bà Huỳnh Thị H khởi kiện, đưa ra được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử xác định: hiện nay bà Phạm Thị Kim L có nợ bà H số tiền vay 190.000.000 đồng. Nên yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà L phải

trả 190.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Cần buộc bà Phạm Thị Kim L có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị H và ông Lê Văn C số tiền 190.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi trả tiền gốc, bà H không tính lãi nên không xét đến.

[3]. Khi xác lập vay tiền, bà Phạm Thị Kim L đã giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 420349 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 23/8/2017 mang tên bà Phạm Thị Kim L cho bà Huỳnh Thị Hữu G. Mặc dù trong vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Kim L không yêu cầu bà H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng để giải quyết triệt để vụ án, tránh việc khởi kiện về sau, khi buộc bà L trả nợ vay cho vợ chồng bà H, ông C, cần buộc vợ chồng bà H, ông C trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là phù hợp.

[4]. *Về chi phí giám định*: kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà Huỳnh Thị H là có căn cứ nên cần buộc bị đơn bà Phạm Thị Kim L phải chịu chi phí giám định và buộc bà L trả lại cho bà H số tiền 3.600.000 đồng chi phí giám định mà bà H đã nộp, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. *Về chi phí đăng thông báo*: bà Huỳnh Thị H yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do bà Hữu C2. Bà H đã nộp đủ và chi xong, không có yêu cầu gì nên không xét đến.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc bị đơn bà Phạm Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161; các Điều 227, 228, 238, 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025 theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội);
- Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H:

- Buộc bà Phạm Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị H và ông Lê Văn C số tiền **190.000.000** đồng (*một trăm chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Vợ chồng bà Huỳnh Thị H và ông Lê Văn C phải trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 420349, số vào sổ cấp GCN: CS04644 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 23/8/2017 mang tên bà Phạm Thị Kim L cho bà Phạm Thị Kim L.

[2]. Về chi phí giám định: Buộc bà Phạm Thị Kim L phải chịu chi phí giám định và phải trả lại cho bà Huỳnh Thị H số tiền 3.600.000 đồng (*ba triệu sáu trăm ngàn đồng*).

[3]. Về án phí:

- Buộc bà Phạm Thị Kim L phải nộp **9.500.000** đồng (*chín triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị H số tiền **5.738.000** đồng (*năm triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001517 ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Lâm Đồng).

[4]. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

[5]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 16 - Lâm Đồng;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tân